TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 – CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2025/DS-ST
Ngày 16-7-2025
V/v tranh chấp hụi và tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tạo
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Quốc Trí
Ông Nguyễn Văn Sol

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Hồ Văn Mil – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 16 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 68/2025/TLST-DS ngày 03 tháng 3 năm 2025 về "Tranh chấp hụi và tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 159/2025/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 330/2025/QĐST-DS ngày 24 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1953 (có mặt).

Cư trú tại: Ấp R, xã H, huyện C, tỉnh Cà Mau (nay là Ấp R, xã H, tỉnh Cà Mau).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Nguyễn Thị L là: Bà **Ngô Đào Mộng**, là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông **Võ Văn K**, sinh năm 1985 và bà **Võ Thị B** (Vỏ Thị B), sinh năm 1989 (ông K và bà B vắng mặt).

Cùng cư trú tại: Ấp R, xã H, huyện C, tỉnh Cà Mau (nay là Ấp R, xã H, tỉnh Cà Mau).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28 tháng 02 năm 2025 và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày yêu cầu khởi kiện:

Vợ chồng ông Võ Văn K và bà Võ Thị B có tham gia chơi hụi do bà Nguyễn Thị L làm chủ hụi và còn nợ tiền hụi, cụ thể như sau:

1. Dây hụi thứ nhất: Mở ngày 17 tháng 02 năm 2023 âm lịch, loại hụi 2.000.000 đồng, mỗi tháng khui 01 lần, gồm có 35 chưng, bà B và ông K tham gia chơi 01 chưng và đã hốt hụi ở lần thứ 4. Hiện dây hụi này đã mãn nhưng vợ chồng bà B, ông K còn nợ tiền hụi chết 19 kỳ là 38.000.000 đồng (Ba mươi tám triệu đồng).

2. Dây hụi thứ hai: Mở ngày 02 tháng 11 năm 2023 âm lịch, loại hụi 2.000.000 đồng, mỗi tháng khui 01 lần, gồm có 29 chưng, bà B và ông K tham gia chơi 01 chưng và đã hốt hụi ở lần thứ 3. Hiện dây hụi này đã mãn nhưng vợ chồng bà B, ông K còn nợ tiền hụi chết 08 kỳ là 16.000.000 đồng (Mười sáu triệu đồng).

Tổng cộng 02 dây hụi nói trên thì ông K và bà B còn nợ bà L với số tiền là 54.000.000 đồng (Năm mươi bốn triệu đồng).

Ngoài ra, vợ chồng ông Võ Văn K và bà Võ Thị B có nợ tiền vay, cụ thể như sau:

1. Ngày 02 tháng 3 năm 2024 âm lịch, vợ chồng ông K và bà B có vay tiền của bà L với số tiền là 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng), lãi suất thoả thuận 5%/tháng, thời hạn vay là 03 tháng.

2. Ngày 15 tháng 3 năm 2024 âm lịch, vợ chồng ông K và bà B tiếp tục vay tiền của bà L với số tiền là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), lãi suất thoả thuận 5%/tháng, thời hạn vay là 03 tháng.

3. Ngày 04 tháng 4 năm 2024 âm lịch, vợ chồng ông K và bà B tiếp tục vay tiền của bà L với số tiền là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), lãi suất thoả thuận 5%/tháng, thời hạn vay là 03 tháng.

Tổng cộng tiền vốn vay của 03 lần vay nói trên là 26.000.000 đồng (Hai mươi sáu triệu đồng), khi vay bà B có viết giấy nợ và có ký tên xác nhận vào giấy nợ.

Từ những lý do nêu trên, nên bà Nguyễn Thị L yêu cầu vợ chồng ông Võ Văn K và bà Võ Thị B cùng liên đới thanh toán số tiền hụi và tiền vốn vay còn nợ là 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng), trong đó, nợ tiền hụi là 54.000.000 đồng (Năm mươi bốn triệu đồng) và nợ tiền vốn vay là 26.000.000 đồng (Hai mươi sáu triệu đồng), không tính lãi suất.

Bị đơn là vợ chồng ông Võ Văn K và bà Võ Thị B Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, hết thời hạn pháp luật quy định mà ông K và bà B không có văn bản trả lời cho Tòa án; Tòa án tống đạt thông báo về phiên họp và hòa giải 02 lần nhưng ông K và bà B vẫn không có mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được, quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn vẫn bảo lưu yêu cầu như trình bày trên. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày: Thực tế là có xảy ra việc vợ chồng bà B chơi hụi của bà L và vay tiền của bà L như bà L đã trình bày. Từ khi Toà án thụ lý giải quyết vụ án thì có thông báo cho vợ chồng bà B biết việc bà L khởi kiện yêu cầu thanh toán số tiền 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng) và Toà án có thông báo hoà giải, có triệu tập xét xử nhưng cả hai đều vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản thể hiện ý kiến phản đối yêu cầu của bà L gửi cho Toà án. Điều này thể hiện mặc nhiên thừa nhận có nợ bà L như bà L trình bày, kính đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L, buộc vợ chồng ông Võ Văn K và bà Võ Thị B cùng liên đới thanh toán số tiền hụi và tiền vốn vay còn nợ là 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng), không yêu cầu tính lãi suất.

Bị đơn vắng mặt và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã tống đạt giấy triệu tập và quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn hợp lệ 02 lần nhưng đương sự vẫn vắng mặt, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bị đơn là vợ chồng ông Võ Văn K và bà Võ Thị B.

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền:

Bà Nguyễn Thị L khởi kiện vợ chồng ông Võ Văn K và bà Võ Thị B yêu cầu thanh toán số tiền hụi và số tiền vay còn nợ nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là: Tranh chấp hụi và tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Bị đơn vợ chồng ông Võ Văn K và bà Võ Thị B có địa chỉ cư trú tại ấp Rau Dừa B, xã Hưng Mỹ, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau (nay là ấp Rau Dừa B, xã Hưng Mỹ, tỉnh Cà Mau). Do đó, Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L đối với vợ chồng ông Võ Văn K và bà Võ Thị B: Bà Nguyễn Thị L yêu cầu vợ chồng ông Võ Văn K và bà Võ Thị B cùng liên đới thanh toán số tiền hụi và tiền vốn vay còn nợ là 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng), trong đó, nợ tiền hụi là 54.000.000 đồng (Năm mươi bốn triệu đồng) và nợ tiền vốn vay là 26.000.000 đồng (Hai mươi sáu triệu đồng). Xét thấy, việc bà B có tham gia chơi hụi do bà L làm chủ hụi là thực tế có xảy ra vì bà L có cung cấp cho Toà án 02 giấy giao kèo chơi hụi của 02 dây hụi 2.000.000 đồng, mở ngày 17/02/2023 và ngày 02/11/2023. Trong quá trình tham gia chơi hụi

thì bà B đã hốt hết 02 dây hụi nói trên và có đóng lại hụi chết nhưng đóng không đầy đủ, tính đến mãn 02 dây hụi thì bà B còn nợ bà L với số tiền là 54.000.000 đồng (Năm mươi bốn triệu đồng) đến nay không thanh toán. Đồng thời, vợ chồng ông Võ Văn K và bà Võ Thị B có vay tiền của bà Nguyễn Thị L vào các ngày, cụ thể như sau:

1. Ngày 02 tháng 3 năm 2024 âm lịch, vợ chồng ông K và bà B có vay tiền của bà L với số tiền là 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng), lãi suất thoả thuận 5%/tháng, thời hạn vay là 03 tháng.

2. Ngày 15 tháng 3 năm 2024 âm lịch, vợ chồng ông K và bà B tiếp tục vay tiền của bà L với số tiền là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), lãi suất thoả thuận 5%/tháng, thời hạn vay là 03 tháng.

3. Ngày 04 tháng 4 năm 2024 âm lịch, vợ chồng ông K và bà B tiếp tục vay tiền của bà L với số tiền là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), lãi suất thoả thuận 5%/tháng, thời hạn vay là 03 tháng.

Tổng cộng tiền vốn vay của 03 lần vay nói trên là 26.000.000 đồng (Hai mươi sáu triệu đồng). Nay bà L yêu cầu vợ chồng ông K và bà B thanh toán tiền vốn vay là 26.000.000 đồng (Hai mươi sáu triệu đồng) mà không yêu cầu tính lãi suất và chứng cứ bà L cung cấp cho Toà án là giấy nợ có chữ ký và chữ viết của bà Võ Thị B (Vỏ Thị B).

Do vợ chồng ông Võ Văn K và bà Võ Thị B đã được Tòa án tống đạt các văn bản theo đúng quy trình luật tố tụng dân sự quy định nhưng vợ chồng ông Võ Văn K và bà Võ Thị B vẫn không có ý kiến trình bày quan điểm hay không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không đến Tòa án tham gia phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai vẫn vắng mặt không lý do. Nên ngoài việc xét xử vắng mặt vợ chồng ông Võ Văn K và bà Võ Thị B, Toà án chấp nhận chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên được chấp nhận toàn bộ. Do đó, buộc vợ chồng ông Võ Văn K và bà Võ Thị B cùng có trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà Nguyễn Thị L số tiền hụi và tiền vốn vay còn nợ là 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng), trong đó, nợ tiền hụi là 54.000.000 đồng (Năm mươi bốn triệu đồng) và nợ tiền vốn vay là 26.000.000 đồng (Hai mươi sáu triệu đồng).

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị L có đơn yêu cầu thi hành án, trường hợp vợ chồng ông Võ Văn K và bà Võ Thị B chậm thanh toán tiền cho bà Nguyễn Thị L thì hàng tháng vợ chồng ông Võ Văn K và bà Võ Thị B còn phải chịu thêm khoản lãi chậm thanh toán theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thanh toán tại thời điểm thi hành án.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016

của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Do yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L được chấp nhận toàn bộ nên vợ chồng ông Võ Văn K và bà Võ Thị B phải chịu nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng).

Bà Nguyễn Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bà L là người cao tuổi và có đơn xin miễn dự nộp tạm ứng án phí nên thuộc đối tượng được miễn dự nộp tiền tạm ứng án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 147, 264, 266, 267, 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, khoản 2 Điều 468, Điều 463, 466 và Điều 471 của Bộ luật Dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L. Buộc vợ chồng ông Võ Văn K và bà Võ Thị B (Vỏ Thị B) cùng có trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà Nguyễn Thị L số tiền hụi và tiền vốn vay còn nợ là 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng), trong đó, nợ tiền hụi là 54.000.000 đồng (Năm mươi bốn triệu đồng) và nợ tiền vốn vay là 26.000.000 đồng (Hai mươi sáu triệu đồng).

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị L có đơn yêu cầu thi hành án, trường hợp vợ chồng ông Võ Văn K và bà Võ Thị B chậm thanh toán tiền cho bà Nguyễn Thị L thì hàng tháng vợ chồng ông Võ Văn K và bà Võ Thị B còn phải chịu thêm khoản lãi chậm thanh toán theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thanh toán tại thời điểm thi hành án.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch buộc vợ chồng ông Võ Văn K và bà Võ Thị B (Vỏ Thị B) phải chịu nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Án xử sơ thẩm, đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 4 – Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 4 – Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tạo